

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI
HOÀN TIỀN THEO DANH MỤC

- 1. Tên chương trình khuyến mại:** “Hoàn tiền theo danh mục”.
- 2. Hàng hóa, dịch vụ khuyến mại:** Thẻ tín dụng Be Cake và Thẻ tín dụng Cake Freedom của Ngân hàng số CAKE by VPBank.
Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
- 3. Thời gian khuyến mại:** Từ ngày 21/04/2024 đến hết ngày 20/06/2024.
- 4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:** Toàn quốc.
- 5. Hình thức khuyến mại:** Hoàn tiền vào tài khoản CAKE (cashback) của Khách hàng thỏa mãn điều kiện chương trình.
- 6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):** Là các khách hàng cá nhân sử dụng Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Thẻ tín dụng Cake Freedom của Ngân hàng số CAKE by VPBank, bao gồm tất cả các khách hàng hiện hữu và các khách hàng mới.
- 7. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (quà tặng):** Tiền được chuyển khoản vào tài khoản CAKE (cashback) của Khách hàng.
- 8. Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (Ngân sách của Chương trình):** 500.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn*).

9. Cơ cấu giải thưởng:

Chương trình được chia thành 2 đợt tương ứng với 2 kỳ sao kê Thẻ tín dụng. Mỗi kỳ sao kê được tính từ ngày 21 tháng này đến hết ngày 20 của tháng tiếp theo và bao gồm các giao dịch có thời gian thanh quyết toán thành công trên hệ thống CAKE by VPBank trong thời gian trên, cụ thể:

Đợt	Kỳ sao kê	Thời gian giao dịch thanh quyết toán thành công
1	Kỳ sao kê tháng 5/2024	Từ 21/04/2024 đến hết 20/05/2024
2	Kỳ sao kê tháng 6/2024	Từ 21/05/2024 đến hết 20/06/2024

Cơ cấu giải thưởng mỗi kỳ sao kê:

Khách hàng khi sử dụng Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Thẻ tín dụng Cake Freedom để thực hiện các giao dịch mua sắm thuộc Danh mục chi tiêu ưu đãi đã lựa chọn sẽ được hưởng hoàn tiền như sau:

- Hoàn tiền 20% cho mọi giao dịch hợp lệ thuộc Danh mục chi tiêu mà Khách hàng lựa chọn (chi tiết tại khoản 10.1 Mục 10 Thẻ lệ này).
- Số tiền hoàn tối đa 50.000 VNĐ/giao dịch và không quá 200.000 VNĐ/Danh mục chi tiêu/Kỳ sao kê.
- Mỗi khách hàng được lựa chọn 2 (hai) Danh mục chi tiêu trong số các Danh mục được liệt kê tương ứng với loại thẻ tín dụng Khách hàng đang sở hữu.
- Số tiền hoàn tối đa mỗi khách hàng: 400.000 VNĐ/Khách hàng/Kỳ sao kê.

10. Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại:

10.1 Điều kiện, cách thức, thủ tục Khách hàng phải thực hiện để được tham gia Chương trình khuyến mại:

- Trong Thời gian khuyến mại, Khách hàng phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
 - + Khách hàng là chủ Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Cake Freedom hợp lệ, có tổng chi tiêu cho danh mục chi tiêu bất kỳ được thanh quyết toán thành công trên hệ thống CAKE by VPBank trong mỗi kỳ sao kê từ 7.000.000 VNĐ trở lên.
 - + Khách hàng thực hiện lựa chọn đủ 02 (hai) trong số các Danh mục chi tiêu ưu đãi cho Kỳ sao kê tương ứng bằng cách:
 - o Bước 1. Đăng nhập Ứng dụng CAKE by VPBank, vào mục Quản lý thẻ.
 - o Bước 2. Tại phần “Hoàn tiền”, chọn “Hoàn tiền theo danh mục”.
 - o Bước 3. Chọn 02 Danh mục chi tiêu ưu đãi theo hướng dẫn.
 - + Khách hàng khi sử dụng Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Thẻ tín dụng Cake Freedom để thực hiện các giao dịch mua sắm thuộc Danh mục chi tiêu ưu đãi đã lựa chọn cho kỳ sao kê tương ứng sẽ được hưởng hoàn tiền theo quy định tại Mục 9 Thẻ lệ này.
- Danh sách Danh mục chi tiêu ưu đãi đối với từng loại thẻ được xác định như sau:

Danh mục chi tiêu ưu đãi	MCC	Diễn giải	Loại thẻ áp dụng
1. Du lịch			Áp dụng cho Thẻ tín dụng Be Cake và Thẻ Tín dụng Cake Freedom
Vé máy bay	Từ 3000 đến 3350	Airlines & Air Carriers (Các hãng hàng không)	
	4511	Airlines (Hàng không)	
	4722	Travel Agencies and Tour Operators (Đại lý du lịch và lữ hành)	
Khách sạn	Từ 3501 đến 3999	Lodging (Các chuỗi khách sạn, nhà nghỉ)	
	7011	Lodging–Hotels, Motels, Resorts–not elsewhere classified (Khách sạn, nhà nghỉ)	
2. Thời trang & TTTM			
Thời trang	5137	Men's Women's and Children's Uniforms and Commercial Clothing (Cửa hàng quần áo nam nữ)	
	5139	Commercial Footwear (Cửa hàng giày dép nam nữ)	
	5611	Men's And Boys' Clothing (Cửa hàng quần áo và phụ kiện nam)	
	5621	Women's Ready-to-wear Store (Cửa hàng quần áo may sẵn nữ)	
	5631	Women's Accessory And Speci (Cửa hàng phụ kiện nữ)	
	5641	Children's And Infant's Wear (Cửa hàng quần áo trẻ em)	
	5651	Family Clothing Stores (Cửa hàng quần áo gia đình)	
	5655	Sports Apparel, Riding Apparel Stores (Cửa hàng quần áo thể thao)	

	5661	Shoe stores (Cửa hàng giày dép nam nữ)
	5681	Furriers And Fur Shops (Cửa hàng đồ da)
	5691	Men's And Ladies's Clothing (Cửa hàng quần áo nam nữ)
	5697	Tailors, seamstress, mending (Cửa hàng may đo)
	5698	Wig & Toupee Shops (Cửa hàng tóc giả)
	5699	Apparel and Accessory Shops (Cửa hàng quần áo và phụ kiện)
Trung tâm thương mại	5311	Department stores (<i>Trung tâm thương mại</i>)
3. Bảo hiểm		
Bảo hiểm	6300	Insurance Sales, Underwriting and Premiums (Dịch vụ bảo hiểm, bảo lãnh phát hành và phí bảo hiểm)
	5960	Direct Marketing Insurance Services (Dịch vụ tiếp thị bảo hiểm trực tiếp)
4. Chăm sóc sắc đẹp		
Chăm sóc sắc đẹp	5977	Cosmetic Stores (<i>Mỹ phẩm</i>)
	7230	Beauty Shops & Barber Shops (<i>Làm đẹp, Cắt tóc</i>)
	7297	Massage (<i>Mát xa</i>)
	7298	Health & Beauty Spas (<i>Mỹ viện, Spa</i>)
5. Giáo dục, sách báo		
Giáo dục	8211	Schools, Elementary and Secondary (Trường học, tiểu học, trung học)
	8220	Colleges, Universities, Professional Schools, and Junior Colleges (Trung học phổ thông, đại học, trường chuyên ngành)
	8241	Schools, Correspondence (Trường học bổ túc)
	8244	Schools, Business and Secretarial (trường đào tạo kinh doanh, thư ký)
	8249	Vocation & Educational Service (Trường dạy nghề)
	8299	Schools and Educational Services—not elsewhere classified (Trường, dịch vụ liên quan giáo dục- chưa phân loại khác)
Sách báo	2741	Miscellaneous Publishing and Printing (Xuất bản & In ấn)
	5111	Stationery, Office Supplies, Printing and Writing Paper (Văn phòng phẩm, giấy)
	5192	Books, Periodicals and Newspapers (Sách, báo, ấn phẩm định kỳ)
	5942	Book Stores (Nhà sách)
	5943	Stationery Stores, Office and School Supply Stores (Cửa hàng văn phòng phẩm & trang thiết bị trường học)
	5994	News Dealers And Newsstands (Quầy báo)
5. Sức khỏe, Y tế		
	4119	Ambulance Services (Cấp cứu)

Sức khỏe, Y tế	5047	Medical, Dental, Ophthalmic and Hospital Equipment and Supplies (Thiết bị y tế, Nha khoa, Nhân khoa)
	5122	Drugs, Drug Proprietaries, and Druggist Sundries (Thuốc, Nhà thuốc)
	5912	Drug Stores and Pharmacies (Nhà thuốc)
	5975	Hearing Aids – Sales, Service, and Supply (Nhà cung cấp (bán/dịch vụ) máy trợ thính)
	5976	Orthopedic Goods – Prosthetic Devices (Sản phẩm liên quan đến điều trị chấn thương chỉnh hình, bộ phận làm giả)
	8011	Doctors and Physicians (Not Elsewhere Classified) (Bác sĩ)
	8021	Dentists and Orthodontists (Nha sĩ)
	8031	Osteopaths (Bác sĩ trị liệu)
	8041	Chiropractors (Bác sĩ trị liệu thần kinh cột sống)
	8042	Optometrists and Ophthalmologists (Bác sĩ Nhân khoa)
	8043	Opticians, Optical Goods, and Eyeglasses (Chuyên gia nhãn khoa, các sản phẩm mắt kính)
	8049	Podiatrists and Chiropodists (Bác sĩ chấn thương chỉnh hình chân)
	8050	Nursing, Home Healthcare and Personal Care Facilities (Điều dưỡng, chăm sóc cá nhân)
	8062	Hospitals (Bệnh viện)
	8071	Medical and Dental Laboratories (Phòng khám bệnh, phòng nha khoa)
	8099	Medical Services and Health Practitioners (Not Elsewhere Classified) (Chuyên gia y tế/Dịch vụ y tế)
8351	Child Care Services (Dịch vụ chăm sóc y tế trẻ em)	
5. Công nghệ		
Công nghệ	4812	Telecommunications Equipment and Telephone Sales (Thiết bị viễn thông, điện thoại)
	4814	Telecommunication Services (Dịch vụ viễn thông)
	4816	Computer Network/Information Services (Mạng máy tính/Dịch vụ thông tin)
	5045	Computers and Computer Peripheral Equipment and Software (Máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm)
	5065	Electrical Parts and Equipment (Thiết bị điện, điện tử)
	5099	Durable Goods (Hàng tiêu dùng lâu bền)
	5722	Household Appliance Stores (Cửa hàng đồ gia dụng)
	5732	Electronics Stores (Cửa hàng bán đồ điện tử)

	5734	Computer Software Stores (Bán phần mềm máy tính)
	5946	Camera and Photographic Supply Stores (Tiệm bán máy ảnh và đồ chụp ảnh)
	5997	Electric Razor Stores – Sales and Service (Cửa hàng, dịch vụ dao cạo điện)
	7372	Computer Programming, Data Processing, and Integrated Systems Design Services (Dịch vụ lập trình máy tính, xử lý dữ liệu và thiết kế hệ thống tích hợp)
	7379	Computer Maintenance, Repair and Services (Bảo trì, sửa chữa dịch vụ máy tính)
	7622	Electronics Repair Shops (Cửa hàng sửa chữa đồ điện tử)
	7629	Electrical and Small Appliance Repair Shops (Cửa hàng sửa chữa điện và thiết bị nhỏ)
	7699	Miscellaneous Repair Shops and Related Services (Cửa hàng sửa chữa và dịch vụ liên quan)
5. Giải trí		
Giải trí	4899	Cable, Satellite and Other Pay Television/Radio/Streaming Services (Truyền hình cáp, vệ tinh và các dịch vụ cung cấp truyền hình, Radio)
	5815	Digital Goods Media – Books, Movies, Digital artwork/images, Music (Sản phẩm giải trí trực tuyến – Sách, Phim ảnh, Âm nhạc)
	5816	Digital Goods – Games (Sản phẩm trực tuyến – Game)
	5818	Digital Goods – Large Digital Goods Merchant (Sản phẩm trực tuyến)
	5945	Hobby, Toy, and Game Shops (Cửa hàng đồ chơi, trò chơi)
	5971	Art Dealers and Galleries (Đại lý & phòng trưng bày nghệ thuật)
	7829	Motion Picture and Video Tape Production and Distribution (Phân phối và sản xuất Phim, băng Video)
	7832	Motion Picture Theaters (Rạp chiếu phim)
	7841	DVD/Video Tape Rental Stores (Cửa hàng cho thuê băng DVD/Video)
	7911	Dance Halls, Studios and Schools (Hội trường khiêu vũ, phòng tập và trường học)
	7922	Ticket Agencies and Theatrical Producers (Except Motion Pictures) (Sân khấu (trừ phim) và đại lý bán vé)
	7929	Bands, Orchestras, and Miscellaneous Entertainers (Ban nhạc, Nhạc giao hưởng và các loại hình giải trí khác)
	7932	Billiard and Pool Establishments (Hò bơi, Bi-a)
	7933	Bowling Alleys (Bowling)

	7941	Commercial Sports, Professional Sports Clubs, Athletic Fields, and Sports Promoters (Câu lạc bộ thể thao)	
	7991	Tourist Attractions and Exhibits (Điểm du lịch và triển lãm)	
	7992	Public Golf Courses (Chơi golf)	
	7993	Video Amusement Game Supplies (Nhà cung cấp video game)	
	7994	Video Game Arcades/Establishments (Trò chơi Arcade)	
	7996	Amusement Parks, Circuses, Carnivals, and Fortune Tellers (Công viên giải trí, rạp xiếc, lễ hội)	
	7997	Membership Clubs (Sports, Recreation, Athletic), Country Clubs, and Private Golf Courses (Gói thành viên câu lạc bộ (thể thao, giải trí))	
	7998	Aquariums, Seaquariums, Dolphinariums, and Zoos (Thủy cung, Bể cá heo)	
	7999	Recreation Services (Các dịch vụ giải trí khác)	
9. Xăng dầu			
Xăng dầu	5541	Service Stations (With or without Ancillary Services) (Trạm dịch vụ)	
10. Ăn uống			
Ăn uống	5812	Eating places & Restaurants (Nhà hàng, quán ăn)	Chỉ áp dụng cho Thẻ tín dụng Be Cake
	5814	Fast food restaurants (Cửa hàng thức ăn nhanh)	
11. Siêu thị			
Siêu thị	5411	Grocery stores & Supermarkets (Cửa hàng tạp hóa & Siêu thị)	

MCC (Mã Ngành Hàng) được quy định bởi Tổ chức phát hành thẻ Visa và được đăng ký bởi Bên bán hàng và Ngân hàng bên bán. VPBank sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp MCC bị lỗi, không phù hợp với Lĩnh vực chi tiêu hoặc trong trường hợp Visa và/hoặc Bên bán hàng và/hoặc Ngân hàng bên bán thay đổi Mã Ngành Hàng trong thời gian diễn ra chương trình dẫn đến khách hàng không được hoàn tiền theo quy định của chương trình.

- Giao dịch được xét tặng quà (được hoàn tiền (cashback)): Là giao dịch Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Cake Freedom được thanh quyết toán thành công trên hệ thống CAKE by VPBank trong thời gian đã nêu tại Mục 9 của Thẻ lệ này và không bao gồm:

- + Các giao dịch không thành công, bị hủy/hoàn lại.
- + Các giao dịch với mã MCC khác với MCC của từng Danh mục chi tiêu được liệt kê tại Mục 10.1 này, hoặc giao dịch không thuộc 02 (hai) Danh mục chi tiêu ưu đãi mà khách hàng đã lựa chọn cho kỳ sao kê.
- + Giao dịch nghi ngờ rút tiền mặt, đảo hạn thẻ, thanh toán khống, hoặc các giao dịch lừa đảo, trục lợi, hoặc giao dịch gian lận (Giao dịch không có mục đích tiêu dùng hợp pháp) dưới mọi hình thức.
- + Vi phạm các điều kiện, điều khoản giao dịch Thẻ tín dụng của VPBank cũng như Chương trình này.

- Quy định về thời gian lựa chọn, thay đổi Danh mục chi tiêu:
 - + Khách hàng lần đầu đăng ký Danh mục chi tiêu được hưởng ưu đãi:
 - o Khách hàng có thể lựa chọn Danh mục chi tiêu cho Kỳ sao kê hiện tại vào bất kỳ ngày nào của Kỳ sao kê đó:
 - Kỳ sao kê tháng 5: Khách hàng cần lựa chọn Danh mục chi tiêu không muộn hơn ngày 20/5/2024.
 - Kỳ sao kê tháng 6: Khách hàng cần lựa chọn Danh mục chi tiêu không muộn hơn ngày 20/6/2024.
 - o Các Danh mục chi tiêu đã lựa chọn sẽ được áp dụng để tính khoản tiền hoàn đối với tất cả các giao dịch hợp lệ trong Kỳ sao kê tương ứng.
 - o Khách hàng không thể lựa chọn Danh mục chi tiêu ưu đãi cho Kỳ sao kê khi Kỳ sao kê đó đã kết thúc.
 - + Các Danh mục chi tiêu được hưởng ưu đãi mà Khách hàng đã lựa chọn cho kỳ sao kê tháng 5 sẽ được mặc định áp dụng cho Kỳ sao kê tháng 6, trừ khi Khách hàng thực hiện thay đổi Danh mục chi tiêu ưu đãi theo quy định.
 - + Thay đổi danh mục chi tiêu:
 - o Khách hàng không thể thay đổi lựa chọn Danh mục chi tiêu ưu đãi cho Kỳ sao kê tháng 5.
 - o Để thay đổi các Danh mục chi tiêu ưu đãi cho Kỳ sao kê tháng 6, Khách hàng cần thực hiện thay đổi không muộn hơn ngày 20/5/2024 bằng cách nhấn “Thay đổi danh mục” tại màn hình tính năng “Hoàn tiền theo danh mục”. Các Danh mục chi tiêu mới sẽ được áp dụng để tính khoản tiền hoàn đối với các giao dịch hợp lệ tương ứng trong kỳ sao kê tháng 6.
- Chương trình được áp dụng đồng thời với các khuyến mại khác bởi VPBank dành cho Thẻ tín dụng Be Cake và Thẻ tín dụng Cake Freedom.
- Mỗi Khách hàng chỉ được hưởng khuyến mại 01 (một) lần cho mỗi kỳ sao kê trong suốt Chương trình này.
- Trường hợp trong Thời gian khuyến mại, có nhiều Khách hàng đủ điều kiện được tham gia Chương trình nêu tại Mục 10.1 này dẫn đến tổng giá trị quà tặng bị vượt Ngân sách của Chương trình nêu tại Mục 8 trên đây thì VPBank sẽ ưu tiên lựa chọn Khách hàng có tổng chi tiêu trong kỳ sao kê cao hơn, cho đến khi sử dụng hết Ngân sách của Chương trình.

10.2. Quy định thông báo đủ điều kiện nhận quà tặng:

- Danh sách Khách hàng đủ điều kiện nhận quà tặng của Chương trình sẽ được VPBank công bố trên website chính thức của Ngân hàng số Cake by VPBank <https://cake.vn/> trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình.

11. Quy định về thủ tục nhận quà tặng:

- Quà tặng là tiền hoàn sẽ được chuyển vào Tài khoản CAKE (Cashback) của Khách hàng đủ điều kiện nhận quà tặng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ kết thúc mỗi kỳ sao kê.
- Số tiền Cashback từ Chương trình này, Khách hàng chỉ được sử dụng để thanh toán khi mua sắm hàng hóa, sử dụng dịch vụ trên Ứng dụng Cake by VPBank hoặc thanh toán thông qua

Ứng dụng Cake by VPBank và không được thực hiện rút tiền mặt, chuyển tiền tới Tài khoản thanh toán Cake khác hoặc tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng khác. Số tiền Cashback được ghi nhận tại trường thông tin “Tiền Cashback” trong Ứng dụng Cake by VPBank để Khách hàng có thể theo dõi số dư.

- Số Tiền Cashback từ Chương trình khuyến mại này Khách hàng chỉ có thể sử dụng trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày VPBank chuyển vào tài khoản Cashback cho Khách hàng. Hết thời hạn này, Số tiền Cashback chưa sử dụng sẽ hết hiệu lực sử dụng và VPBank có toàn quyền xử lý, định đoạt theo phương thức hợp lệ.

- Tại thời điểm VPBank chuyển số tiền Cashback, Khách hàng đảm bảo trạng thái Tài khoản thanh toán CAKE của Khách hàng đang còn hoạt động (không bị đóng, khóa hoặc tạm khóa vì bất kỳ lý do gì). VPBank không chuyển số tiền Cashback đối với Khách hàng đã đóng Tài khoản thanh toán CAKE.

- Trường hợp giao dịch thanh toán bằng Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Cake Freedom của Khách hàng bị hoàn hoặc hủy vì bất kỳ lý do gì sau khi đã nhận quà tặng, VPBank sẽ truy thu lại số tiền Cashback này bằng cách trừ trực tiếp số tiền tương ứng với giá trị quà tặng trên Tài khoản thanh toán CAKE của Khách hàng.

- Quà tặng của chương trình sẽ bị hủy trong những trường hợp sau:

- + Khách hàng hủy/bị hủy/nợ quá hạn Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Cake Freedom, hoặc nằm trong danh sách cảnh báo của VPBank;
- + Khách hàng vi phạm bất kỳ điều kiện nào của Chương trình hoặc bất kỳ Điều khoản điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng Be Cake hoặc Cake Freedom mà Khách hàng đang sử dụng.

12. Đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến Chương trình:

Mọi thắc mắc liên quan đến Chương trình, Khách hàng liên hệ qua Hotline – 1900 636 686 hoặc gửi email tới chat@cake.vn.

13. Trách nhiệm công bố thông tin:

VPBank có trách nhiệm thông báo đầy đủ chi tiết nội dung Thẻ lệ Chương trình khuyến mại, công bố kết quả người đủ điều kiện nhận quà tặng khuyến mại trên website <https://cake.vn/>.

14. Quy định chung:

- Bằng việc tham gia Chương trình này, Khách hàng chấp nhận tất cả các điều khoản và điều kiện của Chương trình theo Thẻ lệ Chương trình này và các nội dung thay đổi liên quan đến Chương trình này (nếu có).

- Quà tặng không được quy đổi thành tiền mặt và Khách hàng không được quyền quy đổi hoặc chuyển nhượng, chuyển giao quà tặng cho bất kỳ một bên thứ ba nào.

- Khách hàng được nhận khoản khuyến mại theo chương trình này có thể phải nộp thuế thu nhập cá nhân, khách hàng chấp thuận việc VPBank sẽ khấu trừ khoản thuế thu nhập không thường xuyên, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật trên trị giá khoản khuyến mại mà khách hàng đã nhận và thay mặt khách hàng nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Giao dịch không hoàn tất hoặc không có quá trình thanh quyết toán hợp lệ thì không được hưởng khuyến mại theo chương trình này.

- VPBank có toàn quyền từ chối trao quà tặng/thu hồi một phần hoặc toàn bộ (các) khoản khuyến mại cho bất kỳ khách hàng nào khi VPBank phát hiện Khách hàng cung cấp thông tin không hợp lệ, không rõ ràng, không đầy đủ thông tin hoặc mạo danh về Chương trình làm ảnh hưởng uy tín thương hiệu của VPBank hoặc gian lận bao gồm, nhưng không giới hạn: (i) sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết khách hàng với các yếu tố sinh trắc học do chủ tài khoản cung cấp trong quá trình đăng ký phát hành Thẻ tín dụng CAKE, (ii) các giao dịch gian lận, nghi ngờ gian lận nhằm nguy tạo giao dịch thanh toán - thành công để được hưởng khuyến mại của Chương trình này hoặc vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Thẻ lệ Chương trình, (iii) giao dịch trục lợi, giao dịch không, giao dịch gian lận, giả mạo, nghi ngờ gian lận, giả mạo và/hoặc vi phạm pháp luật theo nhận định từ VPBank.

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến Chương trình này, VPBank có trách nhiệm trực tiếp giải quyết, nếu không thỏa thuận được tranh chấp sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp Khách hàng có thắc mắc, khiếu nại về Chương trình này, Khách hàng cần liên hệ qua số điện thoại 1900636686 hoặc gửi email về chat@cake.vn để được giải quyết.